

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/03/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A – Sinh năm 1984

Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn B – Sinh năm 1986

Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn HNGĐ năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị A – Sinh năm 1984

Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lê Văn B – Sinh năm 1986

Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị A và anh Lê Văn B.

Về con chung: Chị Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hằng Trường G – Sinh ngày 17/02/2008 là con chung của anh B, chị A. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Chị Phạm Thị A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2015/0003993 ngày 09/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, tỉnh Thanh Hóa. Chị A được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- UBND xã E;
- VKSND huyện F;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Lâm